

THÔNG TƯ

**Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định
quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp**

Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 88/2010/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sở hữu trí tuệ và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật sở hữu trí tuệ về quyền đối với giống cây trồng;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách thuế,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp.

2. Thông tư này áp dụng đối với người nộp và tổ chức thu phí thẩm định quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp, các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp.

Điều 2. Người nộp phí

Tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản và các sản phẩm thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu, tiêu thụ nội địa khi nộp hồ sơ đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thuộc ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn thực hiện các nghiệp vụ quản lý chất lượng an toàn vệ sinh thực phẩm nông lâm thủy sản phải nộp phí theo quy định tại Thông tư này.

Điều 3. Tổ chức thu phí

Tổ chức thu phí thẩm định quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp là cơ quan thực hiện nghiệp vụ quản lý chất lượng an toàn vệ sinh thực phẩm nông lâm thủy sản, bao gồm: Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản; Các Cơ quan quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản Trung Bộ, Nam Bộ; Các Trung tâm chất lượng nông lâm thủy sản vùng; Trung tâm kiểm nghiệm, kiểm chứng và tư vấn chất lượng nông lâm thủy sản; Cục Thú y; Cục Bảo vệ thực vật; Cục Chế biến nông lâm thủy sản và nghề muối; Tổng cục Thủy sản; Chi cục quản lý chất lượng nông lâm thủy sản; Chi cục Chăn nuôi và thú y; Chi cục Trồng trọt, bảo vệ thực vật; Chi cục Thủy sản.

Điều 4. Mức thu phí

Mức thu phí thẩm định quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp thực hiện theo quy định tại Biểu phí ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 5. Kê khai, nộp phí

1. Chậm nhất là ngày 05 hàng tháng, tổ chức thu phí phải gửi số tiền phí đã thu của tháng trước vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách mở tại Kho bạc nhà nước.

2. Tổ chức thu phí thực hiện kê khai, nộp số tiền phí thu được theo tháng, quyết toán năm theo hướng dẫn tại khoản 3 Điều 19, khoản 2 Điều 26 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ.

Điều 6. Quản lý và sử dụng phí

1. Tổ chức thu phí là Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản; Các cơ quan quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản Trung Bộ, Nam Bộ; Các Trung tâm chất lượng nông lâm thủy sản vùng; Trung tâm kiểm nghiệm, kiểm chứng và tư vấn chất lượng nông lâm thủy sản; Cục Thú y; Cục Bảo vệ thực vật (trường hợp được khoán chi phí hoạt động thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính) được trích lại 80% số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho các nội dung chi theo quy định của Nghị định số 120/2016/NĐ-CP

ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ. Nộp 20% số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước theo chương, tiểu mục của Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản căn cứ vào số thu được để lại chi theo quy định, thực hiện việc điều hòa nguồn kinh phí cho các đơn vị thu phí trực thuộc (gồm Cơ quan Cục; Các cơ quan quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản Trung Bộ, Nam Bộ; Các Trung tâm chất lượng nông lâm thủy sản vùng; Trung tâm kiểm nghiệm, kiểm chứng và tư vấn chất lượng nông lâm thủy sản) không đủ nguồn chi bảo đảm quỹ tiền lương tối thiểu cho cán bộ, công nhân viên thu phí và các khoản chi phục vụ hoạt động quản lý chất lượng an toàn vệ sinh thực phẩm, vệ sinh thủy sản của Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản.

2. Đối với tổ chức thu phí là Tổng cục Thủy sản, Cục Chế biến nông lâm thủy sản và nghề muối, Chi cục quản lý chất lượng nông lâm thủy sản, Chi cục Chăn nuôi và thú y, Chi cục Trồng trọt, bảo vệ thực vật, Chi cục Thủy sản:

a) Tổ chức thu phí nộp toàn bộ số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều này. Nguồn chi phí trang trải cho việc thực hiện công việc và thu phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước.

b) Trường hợp tổ chức thu phí là cơ quan nhà nước được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ thì được trích lại 80% số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho các nội dung chi theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ. Nộp 20% tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước theo chương, tiểu mục của Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 và thay thế Thông tư số 107/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí, lệ phí quản lý chất lượng và an toàn vệ sinh thủy sản.

2. Các nội dung khác liên quan đến việc thu, nộp, quản lý, sử dụng, chứng từ thu, công khai chế độ thu phí không đề cập tại Thông tư này được thực hiện theo quy định tại Luật phí và lệ phí, Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ; Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định in, phát hành, quản lý và sử dụng các loại chứng từ thu phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có).

Nơi nhận: 

- KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG
- 
- [Handwritten signature]*

4

**BIỂU PHÍ THẨM ĐỊNH QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG,
AN TOÀN THỰC PHẨM TRONG LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 286/2016/TT-BTC
ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*



Stt	Tên phí	Mức thu
1	Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận thực phẩm xuất khẩu theo yêu cầu của nước nhập khẩu:	
a	Đối với trường hợp phải kiểm tra, lấy mẫu tại doanh nghiệp để phục vụ cấp giấy chứng nhận đối với thực phẩm xuất khẩu theo yêu cầu của nước nhập khẩu	350.000 đồng/lô hàng
b	Đối với trường hợp chỉ kiểm tra hồ sơ để cấp giấy chứng nhận thực phẩm xuất khẩu theo yêu cầu của nước nhập khẩu	100.000 đồng/lô hàng
2	Phí thẩm định xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	
	- Cơ quan kiểm tra địa phương thực hiện	30.000 đồng/lần/người
	- Cơ quan kiểm tra trung ương thực hiện	50.000 đồng/lần người
3	Phí thẩm định kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	
a	Thẩm định cấp giấy chứng nhận an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản	
	- Cơ quan kiểm tra địa phương thực hiện	700.000 đồng/cơ sở
	- Cơ quan kiểm tra trung ương thực hiện	2.000.000 đồng/cơ sở
b	Thẩm định đánh giá định kỳ điều kiện an toàn thực phẩm	50% phí thẩm định cấp giấy chứng nhận
4	Phí thẩm định nội dung kịch bản phim, chương trình trên băng, đĩa, phần mềm, trên các vật liệu khác và tài liệu trong quảng cáo thực phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	1.200.000 đồng/lần/sản phẩm
5	Phí thẩm định công nhận hoặc chỉ định phòng kiểm nghiệm, phòng thử nghiệm trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản:	
	- Đánh giá lần đầu	32.000.000 đồng/lần/phòng kiểm nghiệm
	- Đánh giá lại, giám sát, thay đổi, bổ sung, gia hạn	22.500.000 đồng/lần/phòng kiểm nghiệm